

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Cháu Phan Thị Hồng N, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện hợp pháp: Anh Phan Văn N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, cháu N vắng mặt, anh N có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị X, sinh năm 1943. Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 24/11/2020, Nguyễn T ngồi uống nước cùng với anh Phan Văn N và anh Nguyễn Văn T tại quán cà phê D trước chợ C, thị trấn P, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lúc này, T nảy sinh ý định về nhà anh N để chiếm đoạt tài sản nên T mượn xe mô tô 75K4 - 4173 của anh T, T nói “cho em mượn xe đi có việc” thì anh T đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn T điều khiển xe mô tô đi về nhà anh N tại thôn T, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế lấy trộm 01 cái lồng chim khung gỗ, nan tre và 01 con chim chào mào ở trong lồng, sau đó T điều khiển xe mô tô 75K4- 4173 chở lồng chim và con chim chào mào nói trên đi đến đường N thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, Nguyễn T đã bán lồng chim và chim chào mào cho 01 thanh niên (không rõ nhân thân) với giá 500.000đ. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 75K4-4173 đi đến quán cà phê tại đường Đ, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế uống nước và để xe mô tô ở quán cà phê này (theo lời khai của T). Vài ngày sau T bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản kết luận số 69/HĐĐG ngày 30/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lộc kết luận 01 chim chào mào giá trị 3.000.000đ, 01 lồng nuôi chim khung gỗ, nan tre giá trị 1.400.000đ.

Tại Bản kết luận số 70/HĐĐG ngày 01/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lộc kết luận giá trị xe mô tô CRALO màu đỏ, biển số 75K4-4173 giá trị 1.800.000đ.

Về vật chứng: Quá trình điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh những tài sản mà T đã trộm cắp tại nhà của anh Phan Văn N và xe mô tô 75K4-4173 nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Phan Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị con chim, lồng chim và một chiếc điện thoại là 7.000.000đ, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường theo kết quả định giá là 4.400.000đ, ông

Nguyễn S bỏ của Nguyễn T đã bồi thường thay cho T số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa anh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 1.400.000đ, rút yêu cầu bồi thường đối với chiếc điện thoại di động.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSPL ngày 18/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc truy tố bị cáo Nguyễn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản Điều 51, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 12 đến 15 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Anh Phan Văn N rút yêu cầu Nguyễn T bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động của con anh N bị mất trộm; anh Nguyễn Văn T rút yêu cầu bồi thường xe mô tô 75K4-4173 do bị cáo mượn đến nay chưa thu hồi được.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ hai Nguyễn T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về việc vắng mặt; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, những người này đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai

của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 24/11/2020, tại nhà ở của anh Phan Văn N thuộc thôn T, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút vào nhà anh N chiếm đoạt của anh N 01 cái lồng chim và 01 con chim chào mào có tổng trị giá là 4.400.000đ.

Bị cáo Nguyễn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 4.400.000đ nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: “ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Do vậy, cáo trạng số 48/CT-VKSPL ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song xuất phát từ động cơ vụ lợi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xét xử nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo có tiền án về tội ít nghiêm trọng, nay lại tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng:

Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường thay cho bị cáo một phần thiệt hại. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, bị cáo không nhận thức được lỗi lầm của mình mà lại tiếp tục phạm tội. Sau khi bị khởi tố, bị cáo tiếp tục có hành vi phạm tội mới trong quá trình bỏ trốn.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 56/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến

50.000.000đ. Xét thấy bị cáo hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hiện đang chấp hành hình phạt tù nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Phan Văn N số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 1.400.000đ nên cần chấp nhận.

Đối với hành vi bị cáo mượn xe của anh T nhưng chưa trả, trộm chiếc điện thoại di động tại nhà anh Phan Văn N như anh T và anh N khai trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi được thông báo kết luận điều tra anh T, anh N không có ý kiến gì, Viện kiểm sát không truy tố về các hành vi này. Tại phiên tòa anh N và anh T xin rút lại các yêu cầu này nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn T 01 (một) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 56/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị cáo Nguyễn T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2021.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Xử buộc bị cáo Nguyễn T phải bồi thường cho anh Phan Văn N số tiền 4.400.000đ, đã bồi thường 3.000.000đ, nay phải tiếp tục bồi thường thêm 1.400.000đ.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Công an huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Bị cáo, bị hại; người CQL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang